TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/HS-ST
Ngày : 26/02/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Sơn;

2. Ông Trương Thành Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2025/TLST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 01 năm 2025, Quyết định hoãn phiên toà số 01/2025/QĐST-HS ngày 12 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo:

Đặng Văn Thẩm E**,** sinh năm 1994, tại tỉnh An Giang; nơi cư trú: ấp C, xã C, huyện C, tỉnh An Giang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá (học vấn): không biết chữ; con ông Đặng Văn Đ, sinh năm 1964 và bà Đặng Thị H, sinh năm: 1970; bị cáo có vợ là Phan Thị Cẩm V, sinh năm 1988, có 01 người con, sinh năm 2023.

Tiền án, Tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 05/4/2013, bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xử phạt 03 năm tù về tội *"Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ"*, đến ngày 06/3/2015 chấp hành án xong.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/9/2024 tại Nhà tạm giữ - Công an huyện C, tỉnh An Giang cho đến nay và có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

+ Anh Thái Ngọc T, sinh năm 1991; Nơi cư trú: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang. SĐT: 0377494124 (vắng mặt)

+ Anh Lê Hữu N, sinh năm 2002; Nơi cư trú: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh An Giang. SĐT: 0814840419 (vắng mặt)

+ Anh Lê Văn T1, sinh năm 1984; Nơi cư trú: ấp C, xã C, huyện C, tỉnh An Giang. SĐT: 0919747512 (vắng mặt)

+ Ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1975; Nơi cư trú: khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang. SĐT: 0985134385 (vắng mặt)

+ Ông Võ Văn C, sinh năm 1983; Nơi cư trú: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh An Giang. SĐT: 0798967295 (vắng mặt)

+ Ông Mai Thanh S, sinh năm 1984; Nơi cư trú: ấp C, xã C, huyện C, tỉnh An Giang. SĐT: 0338646425 (vắng mặt)

+ Ông Trần Văn D, sinh năm 1970; Nơi cư trú: ấp C, xã C, huyện C, tỉnh An Giang. SĐT: 0949666422 (vắng mặt)

+ Ông Hà Văn S1, sinh năm 1983; Nơi cư trú: ấp C, xã C, huyện C, tỉnh An Giang. SĐT: 0989440561 (vắng mặt)

+ Ông Lê Hùng P, sinh năm 1964; Nơi cư trú: ấp V, xã C, huyện C, tỉnh An Giang. SĐT: 0983173220 (vắng mặt)

+ Ông Võ Văn T2, sinh năm 1972; Nơi cư trú: ấp C, xã C, huyện C, tỉnh An Giang. SĐT: 0834400892 (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Em Mai Nguyễn Thành L1, sinh ngày 01/12/2009; Nơi cư trú: ấp C, xã C, huyện C, tỉnh An Giang. (có mặt)

* *Người đại diện hợp pháp của em* Mai Nguyễn Thành L1*:* Bà Nguyễn Thi Mỹ L, sinh năm 1986; Nơi cư trú: ấp C, xã C, huyện C, tỉnh An Giang. (có mặt)

+ Em Nguyễn Minh N2, sinh ngày 27/01/2011; Nơi cư trú: ấp C, xã C, huyện C, tỉnh An Giang. SĐT: 0394683717 (có mặt)

* *Người đại diện hợp pháp của em* Nguyễn Minh N2*:* Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1968; Nơi cư trú: ấp C, xã C, huyện C, tỉnh An Giang. (có mặt)

* *Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của* Mai Nguyễn Thành L1 *và* Nguyễn Minh N2*:* ông Phạm Minh T3, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh A. SĐT: 0919631172 (có mặt)

+ Ông Phan Thiết T4, sinh năm 1979; Nơi cư trú: ấp P, xã B, huyện C, tỉnh An Giang. SĐT: 0966675711 (vắng mặt)

- *Người làm chứng:* các ông Nguyễn Thanh T5, Nguyễn Hồng Đ1, Cù Minh N3, Nguyễn Văn T6 (đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 10/9/2024 đến ngày 14/9/2024, Đặng Văn Thắm E đã rủ M Thành Lập (sinh ngày 01/12/2009), Nguyễn Minh N2 (sinh ngày 27/01/2011) nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện C, tỉnh An Giang để bán lấy tiền tiêu xài, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 18 giờ ngày 10/9/2024, Thắm E rủ L1 và N2 đi trộm cắp tài sản. Lập và N2 đồng ý. Thắm Em điều khiển xe gắn máy biển số 67FK - 9580 chở L1 và N2 đến khu vực Kênh B thuộc ấp H, xã H, huyện C, lấy trộm 01 máy dầu S85 của Thái Ngọc T, đem đến vựa phế liệu của Phan Thiết T4 tại ấp P, xã B, huyện C bán cho T4 được 420.000 đồng. Thắm Em cho L1 và N2 mỗi người 100.000 đồng, còn lại tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ hai: Khoảng 20 giờ ngày 10/9/2024, Thắm E rủ N2 đi trộm cắp tài sản. N2 đồng ý. Thắm Em điều khiển xe gắn máy biển số 67FK - 9580 chở N2 đến khu vực Kênh B thuộc ấp H, xã H, huyện C, lấy trộm 01 máy dầu F6 và 01 hộp nhông số hai tầng của Lê Hữu N, đem bán cho T4 được 616.000 đồng. Thắm Em cho N2 100.000 đồng, còn lại tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ ba: Khoảng 20 giờ ngày 13/9/2024, Thắm E rủ N2 đi trộm cắp tài sản. N2 đồng ý. Thắm Em điều khiển xe gắn máy biển số 67FK - 9580 chở N2 đến khu vực Kênh T1 thuộc ấp V, xã C, huyện C, lấy trộm 01 hộp nhông số máy dầu D12 của Lê Văn T1, đem bán cho T4 được 196.000 đồng. Thắm Em cho N2 100.000 đồng, còn lại tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ tư: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 13/9/2024, Thắm E rủ L1 đi trộm cắp tài sản. Lập đồng ý. Thắm Em điều khiển xe gắn máy biển số 67FK - 9580 chở N2 đến khu vực Kênh H thuộc ấp H, xã H, huyện C, lấy trộm 01 hộp nhông số hai tầng máy dầu D15 của Nguyễn Văn N1, đem bán cho T4 được 238.000 đồng. Thắm Em cho L1 100.000 đồng, còn lại tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ năm: Khoảng 06 giờ ngày 14/9/2024, Thắm E rủ N2 đi trộm cắp tài sản. N2 đồng ý. Thắm Em điều khiển xe gắn máy biển số 67FK - 9580 chở N2 đến khu vực Kênh H thuộc ấp P, xã B, huyện C, thấy xe mô tô biển số 67L8 - 1030 của Võ Văn C dựng trên bờ Kênh HT5, không người trông giữ. Thắm Em dừng xe, đứng cảnh giới, còn N2 lén lút lấy trộm xe mô tô biển số 67L8 - 1030 đem đến cầu B thuộc ấp C, xã C, huyện C. Nhựt tháo biển số 67L8 - 1030 trên xe vừa lấy trộm cất giấu dưới gầm cầu B, Thắm Em tháo biển số 67FK - 9580 trên xe của Thắm E đưa cho N2 gắn vào xe mô tô vừa lấy trộm đem đi tiêu thụ nhưng không ai mua nên Thắm E và N2 cất giấu xe mô tô lấy trộm được dưới gầm cầu L thuộc ấp C, xã C, huyện C. Sau đó, Thắm E đưa xe gắn máy của Thắm E cho Nguyễn Hồng Đ1 nhờ Đ1 đem bán cho Cù Minh N3 được 600.000 đồng và lấy xe mô tô trộm của C gắn biển số 67FK - 9580 làm phương tiện đi lại.

Vụ thứ sáu: Khoảng 20 giờ ngày 14/9/2024, Thắm E rủ N2 đi trộm cắp tài sản. N2 đồng ý. Thắm Em điều khiển xe mô tô gắn biển số 67FK - 9580 chở N2 đến khu vực Kênh Mương T7 thuộc ấp C, xã C, huyện C, lấy trộm 01 hộp nhông

số hai tầng máy dầu D8, 01 kẹt đan máy dầu D8, 01 thùng gió máy dầu D24 của Mai Thanh S; 01 hộp nhông hai tầng máy dầu Misubishi 70, 01 tum máy bơm nước Misubishi 70 của Trần Văn D; 01 máy dầu D8 của Hà Văn S1, đem bán cho T4 được 854.000 đồng. Thẩm Em cho N2 100.000 đồng, còn lại tiêu xài cá nhân hết. Riêng, 01 thùng gió máy dầu D24 Thuần không mua nên Thẩm E để ngoài đường gần nhà L1.

Vụ thứ bảy: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 14/9/2024, Thẩm E rủ N2 đi trộm cắp tài sản. N2 đồng ý. Thẩm Em điều khiển xe mô tô gắn biển số 67FK - 9580 chở N2 đến khu vực Kênh T1 thuộc ấp V, xã C, huyện C, lấy trộm 01 hộp nhông số hai tầng máy dầu D22 của Lê Hùng P, đem bán cho T4 được 238.000 đồng. Thẩm Em cho N2 100.000 đồng, còn lại tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ tám: Khoảng 23 giờ ngày 14/9/2024, Thẩm E rủ L1 đi trộm cắp tài sản. Lập đồng ý. Thẩm Em điều khiển xe mô tô gắn biển số 67FK - 9580 chở Lập đến khu vực Kênh T1 thuộc ấp V, xã C, huyện C, lấy trộm 01 hộp nhông số hai tầng máy dầu D12 của Võ Văn T2, đem bán cho T4 được 182.000 đồng. Thẩm Em cho L1 100.000 đồng, còn lại tiêu xài cá nhân hết.

** Vật chứng thu giữ:*

- 01 xe gắn máy, màu sơn đen, số máy VZS139FMB032262, số khung RL1DCB4L1AA032262 và 01 biển số 67FK - 9580; 01 nón bảo hiểm màu đen; 01 áo thun tay ngắn màu đen; 01 quần ngắn màu đen; 02 chìa khóa 17; 02 chìa khóa 19; 01 ba lô dây rút vải màu đen.

- 01 xe mô tô, màu sơn xanh, nhãn hiệu MYSTIC, số máy VTTJL1P52FMHL000648, số khung RRKWCH7UM5X000648 và 01 biển số xe 67L8 - 1030 (đã trao trả cho bị hại Võ Văn C).

- 01 thùng gió máy dầu D24 (đã trao trả cho bị hại Mai Thanh S).

- 01 máy dầu D8 (đã trao trả cho bị hại Hà Văn S1).

- 01 hộp nhông số hai tầng máy dầu D15 (đã tra trả cho bị hại Nguyễn Văn N1).

- 01 hộp nhông số hai tầng máy dầu D22 (đã trao trả cho bị hại Lê Hùng P).

** Căn cứ Bản Kết luận định giá tài sản số 42/KL.HĐ ngày 20/9/2024 của Hội đồng Định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C, tỉnh An Giang, kết luận:*

- Xe mô tô biển số 67L8 - 1030, số máy VTTJL1P52FMHL000648, số khung RRKWCH7UM5X000648, có giá trị là 850.000 đồng.

- 01 hộp nhông hai tầng, 01 kẹt đan máy D8, 01 thùng gió máy D24, có giá trị là 2.850.000 đồng.

- 01 hộp nhông hai tầng, 01 cái tum máy bơm nước hiệu Misubishi, có giá trị là 2.150.000 đồng.

- 01 máy dầu D8, có giá trị là 1.440.000 đồng.

- 01 hộp nhông hai tầng máy D22, có giá trị là 2.100.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản định giá là 9.390.000 đồng (Bút lục số: 215 - 216).

** Căn cứ Bản Kết luận định giá tài sản số 46/KL.HĐ ngày 03/10/2024 của Hội đồng Định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C, tỉnh An Giang, kết luận:*

- 01 máy dầu S85, có giá trị là 1.200.000 đồng.

- 01 hộp nhông số hai tầng và 01 máy dầu F6, có giá trị là 600.000 đồng.

- 01 hộp nhông số hai tầng máy dầu D15, có giá trị là 900.000 đồng.

- 01 hộp nhông số máy dầu D12, có giá trị là 600.000 đồng.

- 01 hộp nhông số hai tầng máy dầu D12, có giá trị là 350.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản định giá là 3.650.000 đồng (Bút lục số: 221 - 222).

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Đặng Văn Thẩm E khai nhận hành vi trộm cắp tài sản và xúi giục L1, N2 là người dưới 18 tuổi cùng tham gia trộm cắp tài sản phù hợp như nội dung vụ án đã nêu trên. Khi Thẩm E bán tài sản cho T4 thì T4 không biết tài sản do phạm tội mà có.

Tại Cáo trạng số 09/CT-VKSCT ngày 06/01/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang đã truy tố bị cáo Đặng Văn Thẩm Em về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa,

- Bị cáo Thẩm E thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Mai Nguyễn Thành L1 và Nguyễn Minh N2 trình bày được Thẩm E rủ đi trộm cắp tài sản như nội dung Cáo trạng đã nêu.

- Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Mai Mai Nguyễn Thành L1 – bà Nguyễn Thị Mỹ L: không có ý kiến trình bày.

- Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Minh N2 – bà Nguyễn Thị H1: không có ý kiến trình bày.

- Kiểm sát viên trình bày lời luận tội và giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất của vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về trách nhiệm hình sự: Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Đặng Văn Thẩm E từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 15/9/2024. Hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng.

+ Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật Dân sự đề nghị Hội đồng xét xử: Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho các bị hại: Thái Ngọc T số tiền 1.200.000 đồng,

bồi thường cho Lê Hữu N số tiền 600.000 đồng, bồi thường cho Lê Văn T1 số tiền 600.000 đồng, bồi thường cho Mai Thanh S số tiền 2.000.000 đồng, bồi thường cho Võ Văn T2 số tiền 350.000 đồng. Đối với các bị hại đã nhận lại tài sản bị mất trộm không yêu cầu bồi thường gì thêm đề nghị không đặt ra xem xét.

+ Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị: Tịch thu sung quỹ: 01 xe gắn máy biển số: 67FK – 9580, màu: đen, số máy: VZS139FMB032262, số khung: RL1DCB4L1AA032262 là phương tiện phạm tội; Tịch thu tiêu hủy các tài sản không còn giá trị sử dụng: 01 mũ bảo hiểm màu đen; 01 áo thun tay ngắn màu đen; 01 quần đùi màu đen; Tịch thu tiêu hủy: 01 ba lô dây rút vải màu đen; 02 chìa khóa 17 (đã qua sử dụng); 02 chìa khóa 19 là công cụ phạm tội.

- Bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho M Nguyễn Thành L1 và Nguyễn Minh N2 thống nhất với Cáo trạng, quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Tính đến thời điểm phạm tội Mai Nguyễn Thành L1 và Nguyễn Minh N2 ở độ tuổi trẻ em, nên chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, việc loại trừ trách nhiệm hình sự đối với L1, N2 trong vụ án có tính chất ít nghiêm trọng là phù hợp với quy định pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Mai Nguyễn Thành L1 và người đại diện hợp pháp của L1 - bà Nguyễn Thị Mỹ L thống nhất với quan điểm trình bày của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp và không có ý kiến tranh luận.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Minh N2 và người đại diện hợp pháp của N2 - bà Nguyễn Thị H1 thống nhất với quan điểm trình bày của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp và không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng do cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Đối với các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Phan Thiết T4 và những người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do. Hội đồng xét xử xét thấy, những người nêu trên đã trình bày rõ lời khai tại giai đoạn điều tra nên việc vắng mặt của họ tại phiên tòa không

làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa hôm nay, lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với nội dung diễn biến của vụ án; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, với lời khai của các bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng. Có đầy đủ căn cứ xác định: Bị cáo Đặng Văn Thẩm E đã nhiều lần có hành vi lén lút lấy trộm các tài sản gồm: 01 máy dầu S85, trị giá 1.200.000 đồng của Thái Ngọc T; 01 hộp nhông số hai tầng và 01 máy dầu F6, trị giá 600.000 đồng của Lê Hữu N; 01 hộp nhong số máy dầu D12, trị giá 600.000 đồng của Lê Văn T1; 01 hộp nhông số hai tầng máy dầu D15, trị giá 900.000 đồng của Nguyễn Văn N1; 01 hộp nhông số hai tầng máy dầu D12, trị giá 350.000 đồng của Võ Văn T2; 01 xe mô tô biển số 67L8 - 1030, số máy VTTJL1P52FMHL000648, số khung RRKWCH7UM5X000648, trị giá 850.000 đồng của Võ Văn C; 01 hộp nhông hai tầng, 01 kẹt đan máy dầu D8, 01 thùng gió máy dầu D24, trị giá 2.850.000 đồng của Mai Thành S2; 01 hộp nhông hai tầng, 01 cái tum máy bơm nước hiệu Misubishi 70, trị giá là 2.150.000 đồng của Trần Văn D; 01 máy dầu D8, trị giá 1.440.000 đồng của Hà Văn S1; 01 hộp nhông hai tầng máy dầu D22, trị giá 2.100.000 đồng của Lê Hùng P, nhằm mục đích bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Tổng giá trị tài sản bị cáo lấy trộm là 13.040.000 đồng.

Hành vi của bị cáo Đặng Văn Thẩm E đã phạm tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đã truy tố bị cáo về tội danh, điều luật như trên là đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bị cáo Đặng Văn T8 Em là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, lẽ ra bị cáo phải cần cù lao động chân chính tạo ra của cải vật chất để nuôi sống bản thân và gia đình, trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội nhưng ngược lại vì muốn có tiền tiêu xài mà không phải bỏ công sức lao động vất vả bị cáo đã coi thường pháp luật lấy trộm tài sản của các bị hại. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, khi trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo có nhân thân xấu, từng bị xử phạt 03 năm tù về tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ", đến nay còn nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, điều đó cho thấy bị cáo có thái độ xem thường pháp luật. Do đó, cần có một mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "phạm tội 02 lần trở lên" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên toà hôm nay bị cáo tỏ rõ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải; thuộc thành phần nhân dân lao động, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, trình độ học vấn không biết chữ nên hiểu biết pháp luật hạn chế. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử có xem xét khi lượng hình đối với bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung:

Bị cáo xuất thân từ thành phần nhân dân lao động, hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo.

[5] Về các biện pháp tư pháp:

- Trách nhiệm dân sự: Các bị hại gồm Nguyễn Văn N1, Võ Văn C, Trần Văn D, Hà Văn S1, Lê Hùng P đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với các bị hại: Thái Ngọc T bị mất trộm máy dầu S85 yêu cầu bị cáo bồi thường 2.000.000 đồng; Lê Hữu N bị mất trộm hộp nhông số 02 tầng và 01 máy dầu F6, yêu cầu bồi thường số tiền 3.500.000 đồng; Lê Văn T1 bị mất trộm 01 hộp nhông số máy dầu D12, yêu cầu bồi thường số tiền 1.000.000 đồng; Mai Thanh S bị mất trộm 01 hộp nhông hai tầng, 01 kẹt đan máy dầu D8 và 01 thùng gió máy dầu D24, S đã nhận lại 01 thùng gió máy dầu D24, đối với 01 hộp nhông hai tầng, 01 kẹt đan máy dầu D8 không thu hồi được, yêu cầu bồi thường 2.000.000 đồng; Võ Văn T2 bị mất trộm 01 hộp nhông số hai tầng máy dầu D12, yêu cầu bồi thường số tiền 1.500.000 đồng.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên toà bị cáo Thẩm E chỉ đồng ý bồi thường giá trị các tài sản không thu hồi được theo kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự. Xét thấy, các tài sản của các bị hại không thu hồi được, bị cáo có trách nhiệm phải bồi thường. Tuy nhiên, các bị hại yêu cầu bồi thường giá trị cao hơn giá trị của kết luận định giá là chưa hợp lý. Vì các tài sản bị mất trộm đã có quá trình sử dụng và hao mòn thực tế, do đó Hội đồng định giá đã xem xét giá trị mua mới và giá trị sử dụng còn lại tại thời điểm mất trộm để kết luận giá trị còn lại các tài sản bị mất trộm là phù hợp. Do đó, cần buộc bị cáo bồi thường cho các bị hại không thu hồi được tài sản dựa trên kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, cụ thể: Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho Thái Ngọc T số tiền 1.200.000 đồng, bồi thường cho Lê Hữu N số tiền 600.000 đồng, bồi thường cho Lê Văn T1 số tiền 600.000 đồng, bồi thường cho Mai Thanh S số tiền 2.000.000 đồng, bồi thường cho Võ Văn T2 số tiền 350.000 đồng.

- Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố Tụng hình sự:

+ Đối với: 01 xe gắn máy biển số: 67FK – 9580, màu: đen, số máy: VZS139FMB032262, số khung: RL1DCB4L1AA032262 là phương tiện phạm tội cần tịch thu sung quỹ.

+ Đối với: 01 mũ bảo hiểm màu đen (đã qua sử dụng); 01 áo thun tay ngắn màu đen (đã qua sử dụng); 01 quần đùi màu đen (đã qua sử dụng) bị cáo không yêu cầu nhận lại và không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

+ Đối với: 01 ba lô dây rút vải màu đen (đã qua sử dụng); 02 chìa khóa 17 (đã qua sử dụng); 02 chìa khóa 19 (đã qua sử dụng) là công cụ phạm tội cần tịch thu tiêu hủy.

[6] Các vấn đề khác:

- Đối với:

+ Phan Thiết T4 khi mua tài sản của bị cáo Thẩm E, không biết tài sản do phạm tội mà có nên không xử lý là phù hợp.

+ Mai Nguyễn Thành L1, Nguyễn Minh N2 tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, Phó Công an huyện C đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí dân sự, hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Đặng Văn T8 Em phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt: Bị cáo Đặng Văn T8 Em 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/9/2024.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589, Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho các bị hại: Thái Ngọc T số tiền 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm ngàn đồng), bồi thường cho Lê Hữu N số tiền 600.000 đồng (Sáu trăm ngàn đồng), bồi thường cho Lê Văn T1 số tiền 600.000 đồng (Sáu trăm ngàn đồng), bồi thường cho Mai Thanh S số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), bồi thường cho Võ Văn T2 số tiền 350.000 đồng (ba trăm năm mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án số tiền nêu trên người phải thi hành án không trả được, thì các bên có quyền thỏa thuận lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự. Nếu các bên không thỏa thuận được thì người phải thi hành án phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

+ Tịch thu sung quỹ: 01 xe gắn máy biển số: 67FK – 9580, màu: đen, số máy: VZS139FMB032262, số khung: RL1DCB4L1AA032262 (đã qua sử dụng);

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 mũ bảo hiểm màu đen (đã qua sử dụng); 01 áo thun tay ngắn màu đen (đã qua sử dụng); 01 quần đùi màu đen (đã qua sử dụng); 01 ba lô dây rút vải màu đen (đã qua sử dụng); 02 chìa khóa 17 (đã qua sử dụng); 02 chìa khóa 19 (đã qua sử dụng)

(Đặc điểm tang vật như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/01/2025)

5. Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Bị cáo phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp và đại diện hợp pháp của Mai Nguyễn Thành L1, Nguyễn Minh N2 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Châu Thành;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Người BVQLIHP;
- Người đại diện hợp pháp;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Ủy ban nhân dân xã Cần Đăng (thay thông báo);
- Phòng KTNVTHA;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Kim Quyên

- PV 06;
- Sở Tư pháp;
- Văn phòng;
- Lưu.